

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Thừa;

Bà Lê Thị Xuân Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, Thông báo đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/TBXXST ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị X trình bày: Vào năm 1995 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn D quen biết nhau và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban

nhân dân xã Thới Long, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là phường Thới Long, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ vào ngày 31/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên, cách đây khoảng 17 năm về trước (khoảng năm 2005) giữa con trai lớn của bà X tên là Nguyễn Văn T (con riêng của bà X) phát sinh mâu thuẫn với chồng hiện tại là ông Nguyễn Văn D. Ông D không đồng ý cho con trai của bà X sống chung và cũng không cho bà X nuôi con, thời điểm đó con của bà X khoảng 14 tuổi, bà X phải dựng liều cát trại cho con ra ở riêng. Từ đó, ông D thường xuyên chửi bới, hành hạ đánh đập bà X, do nghĩ tình cảm vợ chồng nên bà X cố nhịn để vợ chồng cùng nhau chung sống. Nay, thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà X và ông D có 01 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 20/11/1997, hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà X và ông D có một căn nhà cấp 04 cất trên phần đất do Nông Trường Sông Hậu quản lý, nhà có kết cấu vách tường, lợp tole, nền gạch men, diện tích xây dựng ngang 5m x dài 10m, nhà tọa lạc tại ấp 3, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Nhà do bà X và ông D cùng nhau xây dựng. Đối với tài sản chung bà X và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn D trình bày: Vào năm 1995, ông D và bà X quen biết nhau và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Thới Long, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là phường Thới Long, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ vào ngày 31/12/2002. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do có sự bất đồng trong công việc giữa ông D và con trai riêng của bà X, sự việc cũng không lớn mọi việc cũng qua, do con trai riêng của bà X mê chơi game nên ông D có dạy dỗ nhưng bà X bênh vực nên phát sinh tranh cãi, còn chuyện vợ chồng chung sống cũng cãi nhau nhưng không lớn chủ yếu là việc dạy con cái. Mọi việc cứ nghĩ vợ chồng cãi nhau thì xong nhưng khi Tòa án mời giải quyết

việc ly hôn thì ông D mới biết. Do mâu thuẫn không lớn và cũng chưa lần nào đánh đập vợ, trong lúc cãi nhau có nóng giận, nên ông D có hăm he nhưng không đánh đập vợ. Nay, ông D vẫn còn thương yêu vợ không đồng ý ly hôn, nếu vợ chồng có giận nhau thì từ từ làm lành, vợ cứ đi đâu cho hết buồn thì quay về. Do đó, ông D không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được đoàn tụ với bà X.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1997 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Có một căn nhà cấp 04 cất trên phần đất do Nông Trường Sông Hậu quản lý, nhà có kết cấu vách tường, lợp tole, nền gạch men, diện tích xây dựng ngang 5m x dài 10m, nhà tọa lạc tại ấp 3, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Về tài sản chung, ông D và bà X sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Do các đương sự không thống nhất nội dung tranh chấp, nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn D, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà X có đơn xin ly hôn với ông D, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tranh chấp này, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn D tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Thới Long, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (Cũ), nay là phường Thới Long, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ vào ngày 31/12/2002, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ cách cư xử và cách nuôi dạy con chung và con riêng của các đương sự dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông D thường xuyên có hành vi chửi mắng, hăm dọa đối với bà X, bản thân ông D cũng có thừa nhận là có chửi mắng và có lời lẽ hăm dọa đối với bà X. Sự việc mâu thuẫn giữa các đương sự, diễn ra trong khoảng thời gian dài từ năm 2005, đến thời điểm hiện nay các đương sự cũng đã cao tuổi (trên 60 tuổi) mà vẫn không giải quyết được. Ông D có mong muốn được hòa giải đoàn tụ với bà X, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho ông D và bà X tìm biện pháp hàn gắn tình cảm, nhưng đến nay ông D cũng không có một biện pháp nào cụ thể để hàn gắn tình cảm với bà X, bà X vẫn kiên quyết được ly hôn với ông D. Điều này, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã thực sự sâu sắc trầm trọng, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông D có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về con chung: Nguyễn Văn L, sinh ngày 20/11/1997, hiện đã trưởng thành. Nên, không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà X là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin hôn của bà Nguyễn Thị X với ông Nguyễn Văn D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên được miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- UBND P. Thới Long, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Kiệt